

BÌNH LUẬN VỀ HẬU QUẢ PHÁP LÝ KHI CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CHẾT THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 193 LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2020

LÊ NGỌC HUYỀN*

Luật Doanh nghiệp năm 2020 có quy định mới về thực hiện quyền của chủ doanh nghiệp tư nhân trong một số trường hợp đặc biệt tại Điều 193. Trong đó, khoản 2, khoản 3 quy định về hậu quả pháp lý khi chủ doanh nghiệp tư nhân chết được coi là điểm tích cực của Luật Doanh nghiệp năm 2020 khi đã hạn chế được nhiều tranh chấp phát sinh liên quan tới chia thừa kế, đồng thời làm rõ được “số phận” của doanh nghiệp tư nhân. Tuy nhiên, quy định này cũng còn một số bất cập nhất định cần có sự hướng dẫn và hoàn thiện.

Từ khóa: Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp tư nhân, thừa kế, giải thể doanh nghiệp.

Ngày nhận bài: 08/06/2022; Biên tập xong: 13/06/2022; Duyệt đăng: 20/06/2022

The 2020 Enterprise Law has new regulation on rights of private business owners in some special cases, in which Clauses 2 and 3 provide legal consequences when private enterprise owner dies. It has been considered as a positive point of the 2020 Enterprise Law because it has limited many disputes related to inheritance and decided the “fate” of private enterprises. However, this regulation also has remained several shortcomings that need further guidance and improvement.

Keywords: The Enterprise Law, private enterprise, private enterprises owner, inheritance, enterprise dissolution.

Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp¹. Khi thành lập doanh nghiệp, chủ DNTN tự đăng ký số vốn đầu tư với cơ quan đăng ký kinh doanh nhưng không phải thực hiện thủ tục chuyển giao quyền sở hữu tài sản sang cho doanh nghiệp. Chủ DNTN có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Toàn bộ vốn và tài sản, kể cả vốn vay và tài sản thuê được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải được

ghi chép đầy đủ vào sổ kế toán và báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Trên thực tế và về mặt pháp lý, không có sự tách bạch rõ ràng về tài sản giữa chủ doanh nghiệp và DNTN, tài sản của DNTN cũng là tài sản của chủ DNTN, hay có thể coi DNTN chính là tài sản của chủ DNTN. Cũng bởi vậy, khi chủ DNTN chết thì DNTN được xem là “di sản thừa kế” của chủ doanh nghiệp, và việc định đoạt DNTN được thực hiện theo quy định của pháp luật.

So với Luật Doanh nghiệp năm 2014, hầu hết các quy định về DNTN trong Luật Doanh nghiệp năm 2020 đều có sự kế thừa và điều chỉnh theo hướng làm rõ

¹ Khoản 1 Điều 188 Luật Doanh nghiệp năm 2020

** Thạc sĩ, Giảng viên khoa Pháp luật quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội*

nghĩa hơn. Đặc biệt, Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã bổ sung thêm quy định mới về thực hiện quyền của chủ DNTN trong một số trường hợp đặc biệt tại Điều 193, trong đó có hai trường hợp liên quan đến phương hướng xử lý đối với DNTN khi chủ DNTN chết tại khoản 2 và 3, cụ thể:

2. Trường hợp chủ DNTN chết thì người thừa kế hoặc một trong những người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật là chủ DNTN theo thỏa thuận giữa những người thừa kế. Trường hợp những người thừa kế không thỏa thuận được thì đăng ký chuyển đổi thành công ty hoặc giải thể DNTN đó.

3. Trường hợp chủ DNTN chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì tài sản của chủ DNTN được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Khác với các loại hình công ty, DNTN là doanh nghiệp đối nhân, chỉ có một chủ sở hữu và có chế độ trách nhiệm vô hạn nên khi chủ DNTN chết, chắc chắn DNTN sẽ bị thay đổi về chủ sở hữu hoặc có thể bị ngừng hoạt động. Việc thực hiện quyền của chủ DNTN trong trường hợp chủ DNTN chết có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Trước hết, việc này nhằm phân chia di sản thừa kế của chủ DNTN theo di chúc hoặc theo pháp luật. Thứ hai, giúp xác định rõ “tương lai” của DNTN sau khi chủ DNTN chết để bảo vệ quyền và lợi ích của doanh nghiệp, người lao động trong doanh nghiệp và các đối tác của doanh nghiệp, đồng thời cũng đảm bảo vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế - xã hội. Trên thực tế, đã có những tranh chấp phát sinh liên quan tới việc tiếp nhận, điều hành DNTN sau khi chủ DNTN chết, do đó quy định tại khoản 2, 3 Điều 193 Luật Doanh nghiệp về hậu quả pháp lý khi chủ DNTN chết đã phần nào khắc phục được vấn đề này. Tuy nhiên, quy

định mới vẫn còn ít nhiều những bất cập cần phải xem xét.

1. Quy định về hậu quả pháp lý của doanh nghiệp tư nhân sau khi chủ doanh nghiệp tư nhân chết và một số hạn chế, bất cập

1.1. Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết và có người nhận di sản thừa kế

Theo khoản 2 Điều 193, trường hợp chủ DNTN chết thì người thừa kế hoặc một trong những người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật là chủ DNTN theo thỏa thuận giữa những người thừa kế. Trường hợp những người thừa kế không thỏa thuận được thì đăng ký chuyển đổi thành công ty hoặc giải thể DNTN đó.

Quy định này áp dụng khi chủ DNTN được xác định là đã chết, có người thừa kế đồng ý nhận di sản thừa kế và đủ điều kiện để được nhận di sản thừa kế. Khi đó, căn cứ vào những trường hợp cụ thể có thể xác định người sở hữu DNTN và hoạt động của DNTN như sau:

Trường hợp thứ nhất, nếu như chủ DNTN chỉ có một người thừa kế thì người đó sẽ đương nhiên trở thành chủ của DNTN. DNTN là doanh nghiệp có tính chất đối nhân, do đó quy định người thừa kế của chủ DNTN trở thành chủ sở hữu mới của doanh nghiệp là hoàn toàn phù hợp cả về lý luận và thực tiễn.

Khi chủ DNTN chết, người thừa kế hợp pháp của chủ doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tiến hành thủ tục thay đổi chủ doanh nghiệp theo quy định tại Điều 54 Nghị định 01/2021/NĐ-CP. Hồ sơ đăng ký thay đổi bao gồm: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp có chữ ký của người được thừa kế; Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người thừa kế; Bản sao hợp lệ văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người được thừa kế. Khi nhận

hồ sơ đăng ký thay đổi của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp. Vì đặc tính chủ sở hữu DNTN sẽ có trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các hoạt động của doanh nghiệp nên khi thừa kế DNTN, người thừa kế là chủ sở hữu mới cũng sẽ phải đem tất cả tài sản của mình để đảm bảo cho hoạt động của doanh nghiệp.

Đồng thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015, người hưởng thừa kế chỉ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Do đó, người thừa kế chỉ phải chịu toàn bộ trách nhiệm của doanh nghiệp khi để DNTN tiếp tục hoạt động². Nếu không muốn ràng buộc trách nhiệm mà chỉ lựa chọn trách nhiệm hữu hạn trong số tài sản của chủ DNTN cũ, người thừa kế duy nhất phải thực hiện chuyển đổi thành công ty có chế độ trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Khi thực hiện quyết định chuyển đổi này, chủ DNTN mới phải có văn bản thỏa thuận với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty trách nhiệm hữu hạn được chuyển đổi tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng³.

Trường hợp thứ hai, nếu chủ DNTN có nhiều hơn một người thừa kế, đồng thời di chúc để lại chỉ định rõ ai sẽ là người thừa kế và trở thành chủ DNTN thì người này sẽ đương nhiên trở thành chủ DNTN. Di sản còn lại của chủ DNTN đã chết sẽ tiếp tục được phân chia theo pháp luật về thừa kế.

Trong cả 02 trường hợp nêu trên (chủ mới của DNTN là người thừa kế là duy

nhất hoặc được chỉ định rõ trong di chúc), nếu người thừa kế chưa đầy đủ năng lực hành vi dân sự thì việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình thông qua người đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự cho đến khi người thừa kế đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Nếu người thừa kế bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì quyền và nghĩa vụ của chủ DNTN được thực hiện thông qua người đại diện. Nếu người thừa kế bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc thì ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Ngoài ra, trường hợp người thừa kế bị Tòa án cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thuộc phạm vi ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp thì phải tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề có liên quan theo quyết định của Tòa án hoặc chuyển nhượng DNTN cho cá nhân, tổ chức khác⁴.

Trường hợp thứ ba, nếu như chủ DNTN có nhiều hơn một người thừa kế (không có di chúc hoặc trường hợp có để lại di chúc nhưng không xác định rõ ai sẽ trở thành chủ của DNTN) thì một trong những người này sẽ là chủ của DNTN theo thỏa thuận giữa những người thừa kế. Cụ thể, theo quy định tại Điều 656 BLDS năm 2015, sau khi có thông báo về việc mở thừa kế hoặc di chúc được công bố, những người thừa kế có thể họp mặt để thỏa thuận cách thức phân chia di sản và thỏa thuận của những người thừa kế phải được lập thành văn bản. Do DNTN là doanh nghiệp chỉ có một chủ sở hữu nên những người thừa kế của chủ DNTN phải thỏa thuận với nhau về việc ai sẽ làm chủ sở hữu của doanh nghiệp đó, thỏa

² <https://luatlongphan.vn/huong-xu-ly-khi-chu-doanh-nghiep-tu-nhan-chet>

³ Điểm a, b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP

⁴ Khoản 1, 4, 5 Điều 193 Luật Doanh nghiệp số 2020

thuận được xác lập bằng văn bản và để đảm bảo thỏa thuận được thực hiện một cách thuận lợi không phát sinh tranh chấp các bên nên thực hiện thủ tục công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản⁵.

Cũng trong trường hợp này, nếu những người thừa kế không thể thỏa thuận được với nhau ai sẽ là chủ DNTN, sẽ phải đưa ra một trong hai quyết định: Hoặc trở thành đồng chủ sở hữu của doanh nghiệp (đồng nghĩa với đó phải thực hiện thủ tục chuyển đổi DNTN sang loại hình công ty phù hợp và những người thừa kế phải có được sự đồng thuận bằng văn bản với các bên của hợp đồng đã ký với DNTN nhưng chưa thanh lý⁶), hoặc giải thể DNTN. Như vậy, việc định đoạt DNTN dựa vào quyết định của những người thừa kế mà không phụ thuộc vào ý chí của người để lại di sản là chủ DNTN.

Tuy nhiên, đối với trường hợp những người thừa kế thỏa thuận, thống nhất với nhau về việc giải thể doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 193 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì căn cứ giải thể là do lựa chọn của những người thừa kế của chủ DNTN và quyết định giải thể này không thuộc một trong các trường hợp giải thể doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 207 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Như vậy, đây đang là một điểm vướng mắc trong Luật Doanh nghiệp năm 2020 về trường hợp giải thể và thủ tục giải thể DNTN.

1.2. Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế

Theo khoản 3 Điều 193 Luật Doanh nghiệp năm 2020, “Trường hợp chủ DNTN chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền

thừa kế thì tài sản của chủ DNTN được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự”. Như vậy, có hai điều kiện áp dụng quy định này. Thứ nhất, chủ DNTN được xác định là đã chết. Thứ hai, di sản thừa kế không có người nhận thừa kế: Tài sản không có người thừa kế là trường hợp không có người thừa kế theo di chúc (do di chúc không hợp pháp; người thừa kế theo di chúc chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc; cơ quan, tổ chức được hưởng thừa kế theo di chúc không tồn tại vào thời điểm mở thừa kế; người được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc mà không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản; trong di chúc, người để lại di sản không chỉ định người thừa kế) hoặc trường hợp không có người hưởng di sản theo pháp luật như không có người thừa kế theo các hàng thừa kế do đã chết, không có quyền hưởng di sản⁷, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản⁸...

Như vậy, di sản của chủ DNTN, bao gồm cả DNTN sẽ được xử lý theo pháp luật về dân sự. Cụ thể, Điều 622 BLDS năm 2015 quy định: “Trường hợp không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có nhưng không được quyền hưởng di sản, từ chối nhận di sản thì tài sản còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài sản mà không có người nhận thừa kế thuộc về Nhà nước”. Đồng nghĩa với đó, khi chủ DNTN chết mà không có người hưởng di sản, toàn bộ tài sản của chủ DNTN (bao gồm cả DNTN) sẽ được dùng để thanh toán các nghĩa vụ tài sản của chủ DNTN, trong đó có cả nghĩa vụ tài chính của DNTN nếu DNTN không có khả năng thanh toán. Sau khi đã thanh toán xong nghĩa vụ của chủ DNTN, các tài sản còn lại sẽ trở thành tài sản công, cụ thể là tài sản được xác lập quyền sở hữu

⁵ Khoản 1 Điều 57 Luật Công chứng năm 2014

⁶ Điểm a, b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP

⁷ Khoản 1 Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015

⁸ Điều 620 Bộ luật Dân sự năm 2015

toàn dân⁹ do không có người thừa kế. Đối với trường hợp sau khi xử lý hết nghĩa vụ tài sản của chủ DNTN mà vẫn còn tài sản khác thì tài sản đó thuộc về Nhà nước.

Vậy xét tình huống di sản còn lại của chủ DNTN, bao gồm cả DNTN thuộc về Nhà nước thì khi tiếp nhận DNTN, Nhà nước cần đưa ra hướng xử lý DNTN sao cho phù hợp. Điều này dẫn tới các trường hợp như sau:

Trường hợp thứ nhất, Nhà nước có thể ra quyết định chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp thông qua thủ tục giải thể. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 207 và điểm d khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp năm 2020, DNTN có thể bị giải thể do Nhà nước ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thủ tục giải thể được thực hiện theo Điều 209 của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Tuy nhiên, theo quy định của Điều 209, *người đại diện theo pháp luật* của doanh nghiệp phải gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp. Điều này là bất khả thi khi chủ DNTN là người đại diện theo pháp luật đã chết, do đó việc thực hiện thủ tục giải thể không thể đúng theo quy trình luật định.

Trường hợp thứ hai, bên cạnh việc quyết định giải thể doanh nghiệp, Nhà nước có thể xử lý DNTN căn cứ vào các quy định pháp luật có liên quan tới xử lý tài sản được các lập quyền sở hữu toàn dân (*Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối*

với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân). Theo đó, Nhà nước có thể lựa chọn một trong các cách thức cụ thể như giao DNTN cho doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp hoặc bán DNTN¹⁰. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật về doanh nghiệp liên quan tới vấn đề này vẫn còn một số bất cập nhất định.

Nếu Nhà nước xử lý DNTN thông qua thực hiện bán doanh nghiệp thì phần giá trị của DNTN sau khi bán sẽ được đưa vào ngân sách nhà nước. Dựa theo các quy định hiện hành thì việc bán DNTN sẽ thực hiện thông qua thủ tục bán đấu giá doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc bán đấu giá DNTN cũng có những bất cập khi chưa thể xác định sẽ áp dụng đối với đấu giá toàn bộ DNTN hay phân chia DNTN thành các nhóm tài sản khác nhau để bán đấu giá riêng biệt. Việc phân chia DNTN để bán đấu giá từng phần được xem là không khả thi vì tùy từng điều kiện, tình trạng thực tế của DNTN việc phân chia là rất khác nhau và gây phức tạp cho quá trình xử lý tài sản. Thay vào đó, việc bán đấu giá toàn bộ DNTN, sẽ thuận lợi hơn cho cả Nhà nước và người tham gia đấu giá, đặc biệt là khi bản thân doanh nghiệp còn nhiều tiềm năng hoạt động. Sau khi đấu giá thành công, người trúng đấu giá sẽ trở thành chủ sở hữu mới của DNTN và được quyền định đoạt số phận cho doanh nghiệp: Nếu người trúng đấu giá là tổ chức thì doanh nghiệp sẽ chuyển đổi sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức là chủ sở hữu (đồng thời chủ sở hữu có quyền quyết định việc tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp theo ý chí của chủ sở hữu); nếu người trúng đấu giá là cá nhân thì tùy theo ý chí của chủ sở

⁹ Khoản 5 Điều 4 và khoản 2 Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017

¹⁰ Khoản 6 Điều 109, Điều 111 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP

hữu mới mà doanh nghiệp vẫn có thể duy trì hình thức là DNTN hoặc chuyển đổi sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Nếu Nhà nước giao DNTN cho một doanh nghiệp nhằm tăng phần vốn góp của Nhà nước trong doanh nghiệp đó, đồng nghĩa với việc Nhà nước “hóa giá” DNTN và dùng phần tiền đó đầu tư thêm vào doanh nghiệp hiện có phần vốn góp của Nhà nước. Khi đó, DNTN sẽ chấm dứt sự tồn tại. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới người lao động của doanh nghiệp (do có thể không được tiếp tục làm công việc hiện tại) và những đối tác hiện có của doanh nghiệp. Thêm vào đó, phần giá trị của DNTN được đầu tư như thế nào (đầu tư toàn bộ vào một doanh nghiệp khác; phân chia để đầu tư vào nhiều doanh nghiệp; sử dụng một phần để đầu tư và một phần đưa vào Ngân sách nhà nước...) thì pháp luật hiện nay cũng chưa có quy định cụ thể.

2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật

2.1. Định hướng hoàn thiện

Có thể nói, quy định về thực hiện quyền của chủ DNTN trong một số trường hợp đặc biệt, trong đó có trường hợp chủ DNTN chết, đã tạo sự thống nhất với các quy định trong Luật Doanh nghiệp về xử lý phần vốn góp của thành viên/chủ sở hữu/cổ đông trong các loại hình công ty. Tuy nhiên, với những đặc điểm khác biệt so với các loại hình doanh nghiệp còn lại, việc xác định hậu quả pháp lý của DNTN khi chủ DNTN chết cũng có những điểm đặc thù và phức tạp hơn. Để khắc phục những bất cập của các quy định hiện hành, cần thiết phải có những định hướng điều chỉnh về mặt pháp luật như sau:

Thứ nhất, cần cụ thể hóa các vấn đề về xử lý DNTN khi chủ DNTN chết thông qua pháp luật về doanh nghiệp (các Nghị định, Thông tư) thay vì chỉ nêu hướng xử

lý và dẫn chiếu tới BLDS như hiện nay. Luật Doanh nghiệp là đạo luật chuyên ngành điều chỉnh về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp nên cần ưu tiên áp dụng trước khi áp dụng luật chung. Thêm vào đó, khi áp dụng các quy định của BLDS năm 2015 thì nhiều trường hợp các quy định về thừa kế áp dụng khi chủ DNTN chết cũng buộc phải dẫn chiếu sang các văn bản Luật khác có liên quan, do đó càng khó khăn khi áp dụng đối với doanh nghiệp.

Thứ hai, cần xem xét DNTN là một tài sản thống nhất khi xác định hậu quả pháp lý của doanh nghiệp khi chủ DNTN chết, nhằm hạn chế việc có nhiều cách hiểu và cách xử lý khác nhau đối với DNTN nói chung và tài sản của DNTN nói riêng.

Thứ ba, việc xử lý hậu quả pháp lý của DNTN sau khi chủ DNTN chết cần đảm bảo yếu tố hài hòa về lợi ích cho các chủ thể có liên quan, bao gồm những người thừa kế, những người có liên quan đến hoạt động của DNTN (đối tác, người lao động, các chủ nợ, con nợ...) và cả Nhà nước (đặc biệt trong trường hợp Nhà nước trở thành đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp khi DNTN trở thành tài sản công và việc tiếp quản, xử lý nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp có nguy cơ ảnh hưởng tới ngân sách nhà nước).

2.2. Một số kiến nghị cụ thể

Thứ nhất, đối với trường hợp những người thừa kế thỏa thuận, thống nhất với nhau về việc giải thể doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 193 Luật Doanh nghiệp, cần bổ sung thêm trường hợp giải thể doanh nghiệp tại điểm b khoản 1 Điều 207 Luật Doanh nghiệp năm 2020 theo hướng “*Theo nghị quyết, quyết định của chủ doanh nghiệp đối với DNTN, của Hội đồng thành viên đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách*

nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; theo thỏa thuận của những người thừa kế khi chủ DNTN chết”.

Đồng thời, Điều 208 Luật Doanh nghiệp cũng cần bổ sung thêm thủ tục yêu cầu những người thừa kế của chủ DNTN thỏa thuận cử một người đứng ra đại diện cho doanh nghiệp để tham gia vào quá trình giải thể doanh nghiệp.

Thứ hai, trường hợp DNTN thuộc về Nhà nước và Nhà nước ra quyết định giải thể doanh nghiệp, khoản 4 Điều 209 Luật Doanh nghiệp cần bổ sung quy định về việc Nhà nước cử người đại diện quản lý doanh nghiệp và thực hiện các thủ tục pháp lý trong quá trình giải thể thay cho vai trò của chủ DNTN, cụ thể: “Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người được Nhà nước cử đại diện để quản lý doanh nghiệp khi chủ DNTN chết gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp”.

Cùng với đó, liên quan tới việc thanh toán các khoản nợ của DNTN trong quá trình giải thể, cần bổ sung quy định: *“Kể từ khi tiếp nhận di sản còn lại của chủ DNTN, Nhà nước cần bảo toàn khối tài sản đó để phục vụ quá trình xử lý DNTN. Trường hợp Nhà nước quyết định giải thể doanh nghiệp thì toàn bộ di sản của chủ DNTN và tài sản của DNTN phục vụ cho quá trình thanh toán nghĩa vụ của doanh nghiệp. Sau khi đã thanh toán xong chi phí giải thể doanh nghiệp và các khoản nợ, phần còn lại được đưa vào ngân sách nhà nước”.* Quy định này nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động cũng như các đối tác, chủ nợ khác của DNTN khi doanh nghiệp giải thể.

Thứ ba, liên quan tới phương án bán doanh nghiệp, như đã nêu trong phần định hướng hoàn thiện, cần quy định rõ bán toàn bộ doanh nghiệp thay vì tách lẻ tài sản của doanh nghiệp để bán, và

khoản tiền thu được sẽ đưa vào ngân sách nhà nước.

Thứ tư, trường hợp Nhà nước quyết định xử lý DNTN theo phương án giao cho doanh nghiệp theo để tăng vốn góp của Nhà nước trong doanh nghiệp thì phải đầu tư toàn bộ phần giá trị của doanh nghiệp đã bán vào một doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước thay vì đầu tư vào nhiều doanh nghiệp. Điều này nhằm đảm bảo sự thống nhất trong quá trình từ khi tiếp nhận đến khi xử lý tài sản công, đồng thời tạo điều kiện cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư của Nhà nước vào doanh nghiệp.

Tóm lại, những thay đổi trong các quy định nêu trên vừa đảm bảo được ý nghĩa của Luật Doanh nghiệp là đạo luật việc điều chỉnh các vấn đề liên quan trực tiếp tới doanh nghiệp, vừa tạo sự thống nhất với các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời tạo sự thuận lợi trong việc áp dụng pháp luật về doanh nghiệp nói chung và pháp luật về DNTN nói riêng./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Dân sự năm 2015;
2. Luật Doanh nghiệp năm 2020;
3. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
4. Luật Đấu giá tài sản năm 2016;
5. Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
6. Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;
7. Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp;
8. Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
9. <https://luatlongphan.vn/luong-xu-ly-khi-chu-doanh-nghiep-tu-nhan-chet>